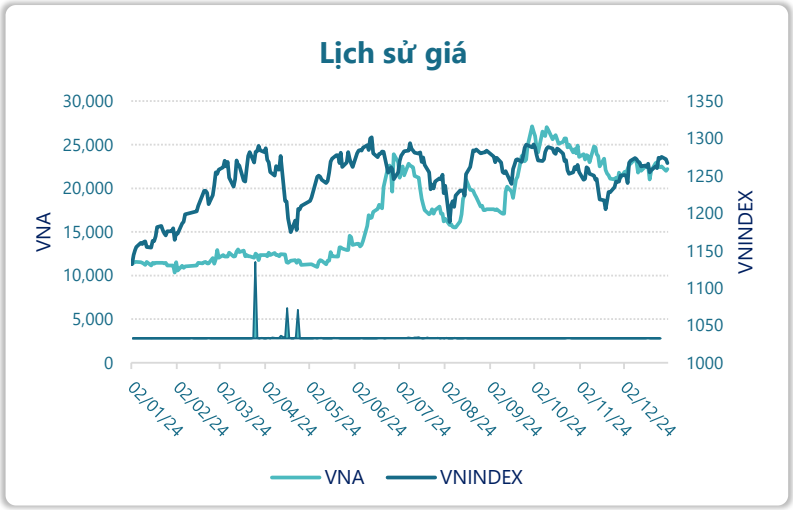
FireAnt

CTCP Vận tải biển VINASHIP (UPCOM: VNA)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**22,200**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,341
SL cổ phiếu LH	33,999,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,025
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	755
P/E	11.5
EPS	1,933

DT thuần

Q4/24

153

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -6.4%

YoY: ▲ 19.0| 13.8%

LN sau thuế

Q4/24

41.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 45.7| 1171%

YoY: ▲ 9.80| 30.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

13.4%

+/- YoY: ▲ 5.3%

DT thuần

2024

621

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 27.0| 4.5%

LN sau thuế

2024

65.7

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 29.7| 82.4%

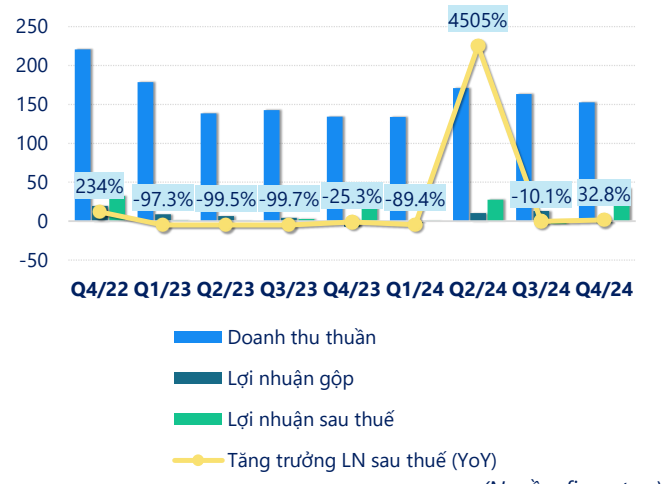
ROE

2024

12.0%

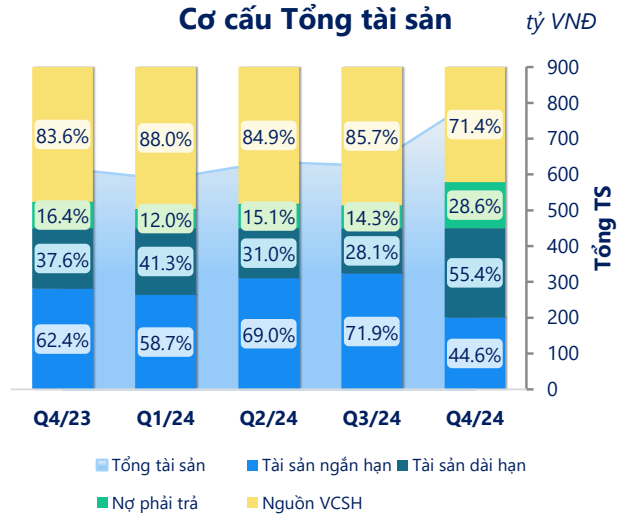
+/- YoY: ▲ 4.9%

Kết quả kinh doanh



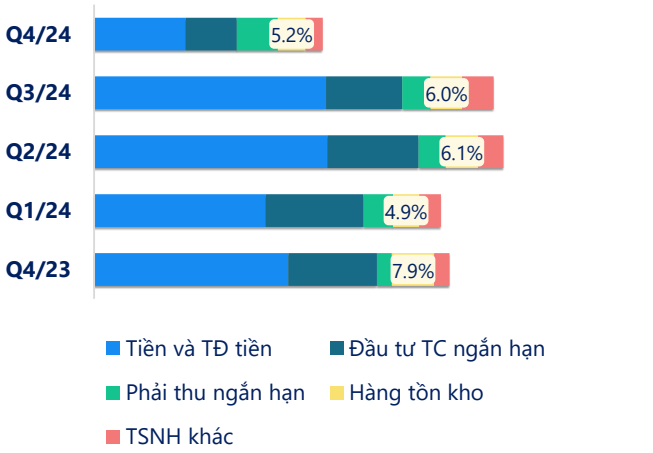
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



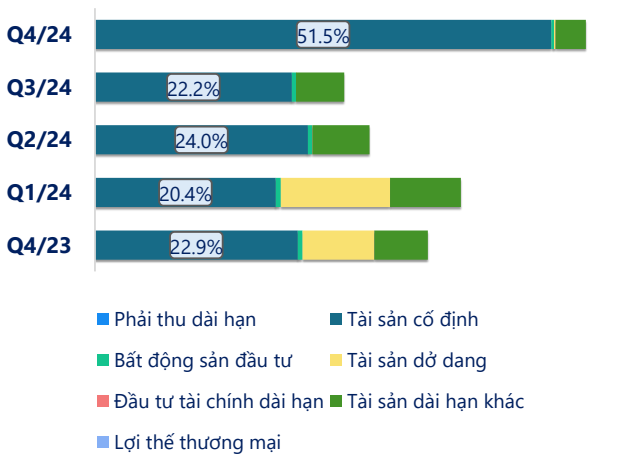
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



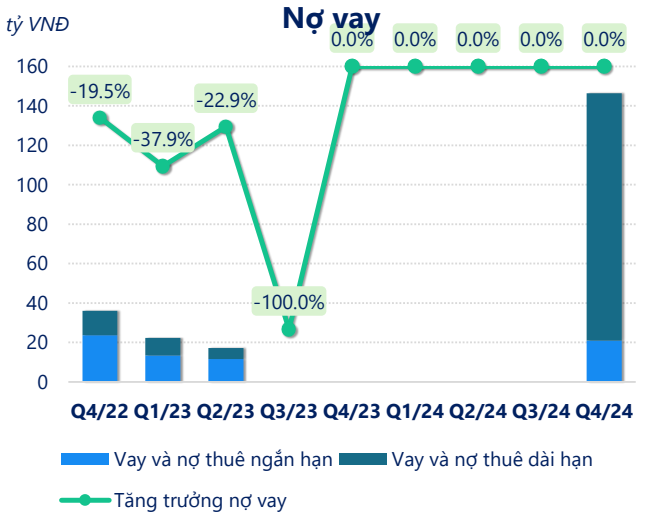
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



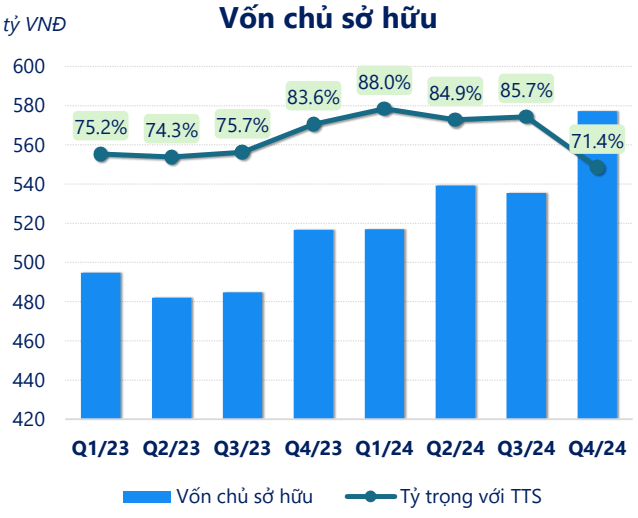
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



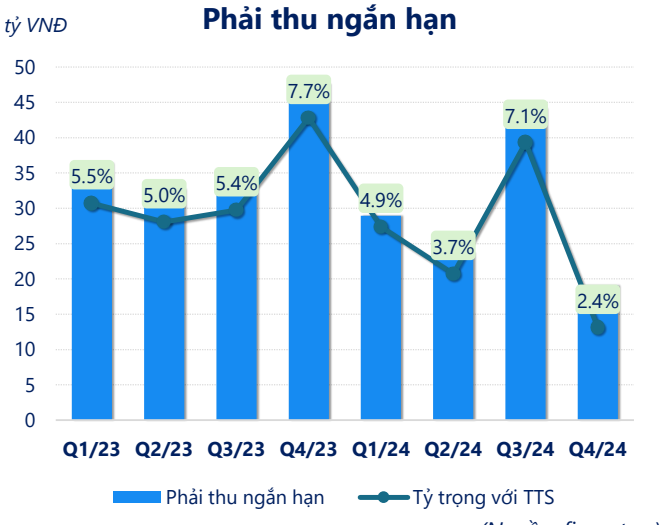
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



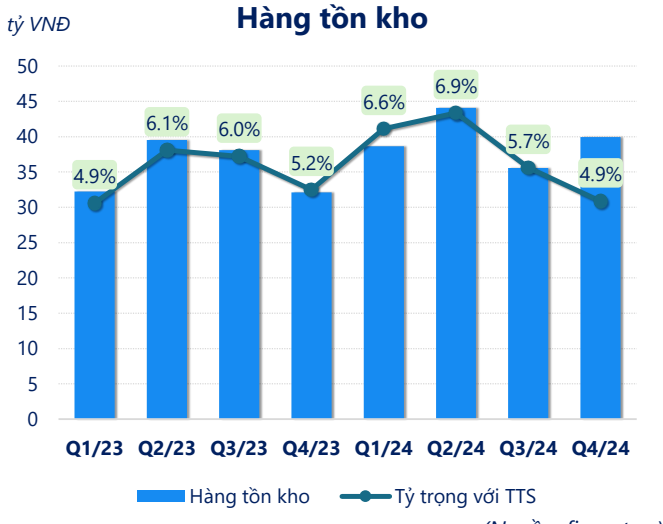
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



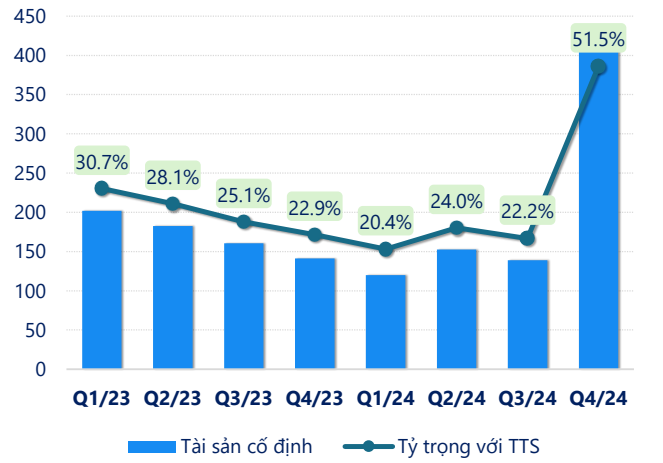
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



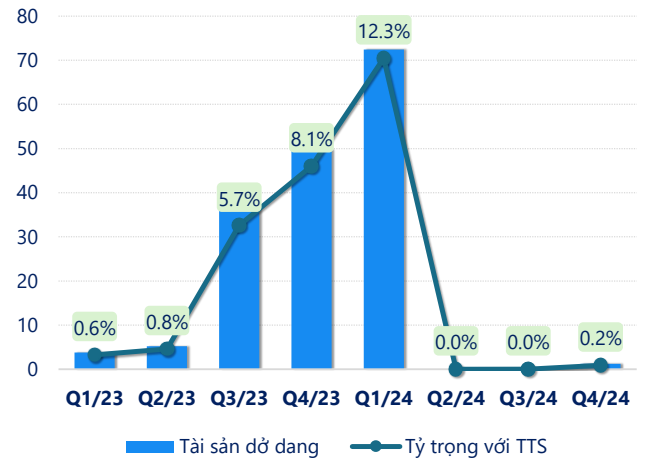
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



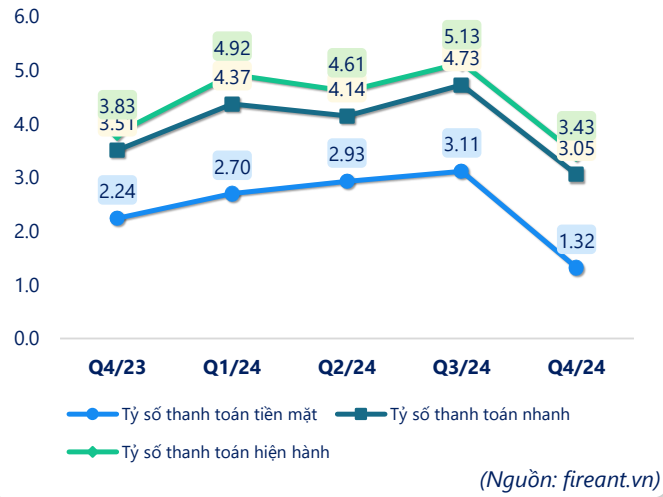
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



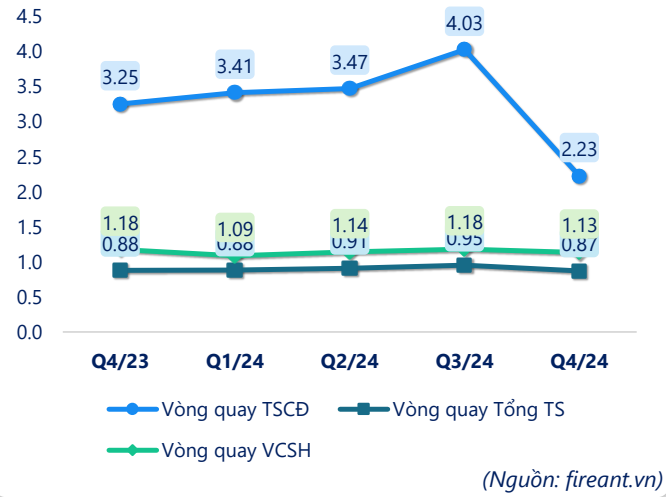
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**618**	**587**	**635**	**625**	**809**
Tài sản ngắn hạn	**386**	**345**	**439**	**449**	**361**
Tiền và tương đương tiền	226	189	279	272	139
Đầu tư tài chính ngắn hạn	60.0	61.5	62.0	63.8	133
Phải thu ngắn hạn	47.6	29.0	23.7	44.2	19.1
Hàng tồn kho	32.1	38.6	44.1	35.6	39.9
Tài sản ngắn hạn khác	20.3	26.6	30.3	32.9	30.2
Tài sản dài hạn	**232**	**242**	**197**	**176**	**448**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	141	120	153	139	416
Bất động sản đầu tư	3.43	3.23	3.04	2.84	2.64
Tài sản dở dang	49.7	72.4	0	0.01	1.22
Đầu tư tài chính dài hạn	0.09	0.09	0.14	0.08	0.00
Tài sản dài hạn khác	37.4	46.8	40.9	34.1	27.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**101**	**70.3**	**96.0**	**89.2**	**232**
Nợ ngắn hạn	**101**	**70.1**	**95.2**	**87.5**	**105**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	20.9
Phải trả người bán ngắn hạn	15.8	18.0	21.5	27.2	27.6
Nợ dài hạn	0.21	0.21	0.86	1.76	127
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	125
Nguồn vốn chủ sở hữu	**517**	**517**	**539**	**535**	**577**
Vốn chủ sở hữu	**517**	**517**	**539**	**535**	**577**
Vốn điều lệ	200	200	200	340	340
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)